

BÁO CÁO**Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng khóa học năm 2026**

Thực hiện kế hoạch số 69/KH-ĐHBL ngày 08/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu về việc khảo sát sinh viên (SV) cuối khóa về chất lượng khóa học năm 2026, Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra báo cáo kết quả phản hồi của SV như sau:

I. Thông tin chung về đợt khảo sát**1. Mục đích khảo sát**

Cung cấp thông tin để Nhà trường và các đơn vị trực thuộc có cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện thắng lợi sứ mạng và mục tiêu giáo dục đề ra.

Cập nhật thông tin SV cuối khóa, chuẩn bị cho công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

2. Đối tượng và nội dung khảo sát

Khảo sát được thực hiện đối với toàn bộ SV năm cuối của Trường. Nội dung khảo sát gồm 06 nhóm nội dung:

Nhóm 1: Chương trình đào tạo

Nhóm 2: Tổ chức đào tạo

Nhóm 3: Kết quả học tập và đánh giá SV

Nhóm 4: Đội ngũ giảng viên

Nhóm 5: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Nhóm 6: Các hoạt động hỗ trợ

Ngoài ra SV có thể đưa thêm các ý kiến, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng và các hoạt động của nhà trường trong mục ý kiến khác

3. Phương pháp khảo sát

Việc khảo sát được thực hiện online bằng công cụ Google Form thông qua email của SV. Các ý kiến được đánh giá theo thang điểm gồm 5 mức độ: (1) Rất không hài lòng, (2) Không hài lòng, (3) Tạm hài lòng, (4) Hài lòng, (5) Rất hài lòng

II. Kết quả khảo sát

Trong đợt khảo sát của năm học 2025- 2026 này, dự kiến có 484 SV cuối khóa tham gia cho ý kiến. Kết quả thực tế cho thấy, số lượng SV tham gia khảo sát của toàn trường là 451 sinh viên, đạt tỷ lệ 93.2%. Nhìn chung, trong năm học này, tỷ lệ SV toàn trường tham gia khảo sát là rất cao, có đơn vị khảo sát đủ 100% điều đó cho thấy SV đã nâng cao được ý thức trong việc tham gia đóng góp các ý kiến cho nhà trường.

Bảng 1: Tổng hợp số lượt sinh viên tham gia khảo sát theo từng khoa.

Khoa	Số khảo sát/tổng số SV	Tỷ lệ (%)
Khoa Sư phạm	14/14	100%
Khoa Khoa học xã hội	75/83	90.4%
Khoa Kinh tế và Luật	163/177	92.1%
Khoa Kỹ thuật và công nghệ	89/94	94.7%
Khoa Nông nghiệp và thủy sản	110/116	94.8%
Tổng cộng	451/484	93.2%

1. Về chương trình đào tạo

Đại đa số SV đánh giá cao các chương trình đào tạo của nhà trường (88.5% hài lòng hoặc rất hài lòng). Cụ thể, khoảng 90% SV “hài lòng hoặc rất hài lòng” với việc công bố, công khai CTĐT và CDR của nhà trường. Họ cũng có nhận định tích cực với hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT và CDR của trường. Nhìn chung, đại đa số SV hài lòng với nội dung, cấu trúc, tính logic của CTĐT. Ngoài ra, có khoảng 89% cho rằng CDR của CTĐT rõ ràng, dễ hiểu và có thể đo lường được, đồng thời các học phần trong CTĐT hiện nay đều góp phần vào việc đạt được CDR.

Bảng 2. Đánh giá chương trình đào tạo (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
1. Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và đề cương các học phần được công bố công khai, dễ dàng tiếp cận	2.4	0.2	8.0	49.1	40.3	89.4
2. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật và đổi mới	2.7	0.2	7.1	49.3	40.7	90.0
3. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội	2.4	1.3	7.5	47.8	40.9	88.7
4. Chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức đại cương và chuyên ngành	2.4	0.7	8.8	47.6	40.5	88.1
5. Chương trình đào tạo có tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành phù hợp	2.9	0.9	8.2	46.9	41.2	88.1
6. Các học phần trong chương trình đào tạo được tổ chức một cách có hệ thống, phù hợp với thời gian học và khối lượng kiến thức cần đạt được	2.2	0.9	8.4	47.8	40.7	88.5
7. Số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau của SV	2.4	1.8	9.3	46.2	40.3	86.5
8. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm) rõ ràng, dễ hiểu và có thể đo lường được	2.2	1.1	8.2	48.2	40.3	88.5
9. Các học phần trong chương trình đào tạo hiện nay đều góp phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra	2.4	0.7	8.0	47.3	41.6	88.9
Đánh giá chung	2.7	1.1	7.7	48.2	40.3	88.5

2. Về tổ chức đào tạo

Hoạt động tổ chức đào tạo của trường cũng nhận được phản hồi tích cực từ SV cuối khóa. Cụ thể, việc các chỉ số thành phần đều vượt mức 86%, cho thấy bộ máy hành chính và quản lý đào tạo hoạt động khá đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu của người học. Tuy nhiên, việc “sắp xếp thời khóa biểu, lịch thi” là vấn đề mà nhà trường cần xem xét và tiếp tục cải tiến khi có hơn 10% SV nhận định ở mức “tạm hài lòng”.

Bảng 3. Tổ chức hoạt động đào tạo (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
10. Việc sắp xếp thời khóa biểu, lịch thi trong từng học kỳ là hợp lý và được thông tin đầy đủ, kịp thời	2.4	1.1	10.4	49.3	36.7	86.0
11. Các hoạt động thực tập, thực tế đáp ứng tốt nhu cầu học tập của SV	2.4	2.0	8.8	49.6	37.2	86.8
12. Các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký học, thi (cấp bằng điểm, đăng ký học lại, đăng ký thi trả nợ...) được giải quyết dễ dàng, nhanh chóng.	2.4	0.4	8.0	52.4	36.7	89.1
13. Anh/Chị hiểu rõ quy chế đào tạo (thi/kiểm tra, phúc khảo, xét tốt nghiệp...)	2.9	0.9	7.7	49.8	38.7	88.5
Đánh giá chung	2.2	1.1	8.8	50.2	37.6	87.8

3. Về kết quả học tập và đánh giá sinh viên

Bảng 4. Kết quả học tập và đánh giá sinh viên (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
14. Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết về chuyên môn và nghiệp vụ nghề nghiệp	2.9	0.4	7.7	50.4	38.5	88.9
15. Khóa học giúp anh/chị phát triển những kỹ năng mềm, kỹ năng tư duy sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu.	2.2	0.9	7.5	49.6	39.8	89.4
16. Khóa học giúp anh/chị nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học	2.7	0.9	9.5	48.7	38.3	87.0
17. Khóa học giúp anh/chị phát triển, nâng cao đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật...	2.4	0.9	6.4	49.8	40.5	90.3
18. Khóa học giúp anh/chị đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2.4	0.4	8.6	48.5	40	88.5
19. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên (kiểm tra, thi học phần, thuyết trình, tiểu luận...) đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng	3.1	0.4	7.3	48.7	40.5	89.2
20. Các tiêu chí, hình thức đánh giá kết quả học tập được thông báo công khai đến SV	2.2	0.4	7.7	49.3	40.3	89.6
21. Kết quả (kiểm tra, thi học phần, tiểu luận, khóa luận...) được công bố kịp thời cho SV	2.2	0.2	7.5	48.9	41.2	90.1
22. Việc khiếu nại về kết quả học tập được giải quyết, xử lý kịp thời thỏa đáng	2.2	0.4	7.7	50.2	39.4	89.6
Đánh giá chung	2.2	0.7	8.0	48.7	40.5	89.2

Nhìn chung, kết quả khảo sát trong năm qua về nội dung kết quả học tập và đánh giá SV đã đạt được những bước tiến vượt bậc, khẳng định các biện pháp cải tiến chất lượng của nhà trường đã đi đúng hướng và phát huy hiệu quả rõ rệt. Cụ thể, có 89.2% SV “hài lòng hoặc rất hài lòng” với kết quả học tập và hoạt động đánh giá SV của trường, tăng 4.7% so với năm 2025. Về chất lượng khóa học, hầu hết SV cho rằng khóa học giúp họ phát triển toàn diện kể cả kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Kết quả là, có 88.5% người học cho rằng bản thân đạt CĐR của CTĐT.

4. Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ GV tiếp tục nhận được sự đánh giá và tín nhiệm đặc biệt cao từ phía SV, khẳng định vai trò là nhân tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Chỉ số đánh giá chung về đội ngũ ở mức tích cực (Hài lòng và Rất hài lòng) đạt tới 91.4%. Kết quả khảo sát này phản ánh GV không chỉ vững vàng về chuyên môn, tinh thông về nghiệp vụ sư phạm mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thấu hiểu và sát cánh cùng người học. Đây là nền tảng vững chắc để nhà trường tiếp tục phát huy và nâng cao uy tín đào tạo trong giai đoạn tới.

Bảng 5. Đội ngũ giảng viên (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
23. GV có năng lực chuyên môn tốt và thường xuyên cập nhật thông tin, kiến thức mới trong bài giảng	2.2	0.4	6.6	45.8	44.9	90.7
24. GV thể hiện chuẩn mực tác phong nhà giáo, thấu hiểu tâm lý SV, có trách nhiệm trong giảng dạy	2.2	0.2	7.3	46.2	44.0	90.2
25. GV luôn cung cấp đầy đủ thông tin về học phần, nêu rõ yêu cầu học tập và phương thức kiểm tra đánh giá	2.4	0.4	5.8	46.9	44.5	91.4
26. GV có kỹ năng sư phạm tốt, sử dụng hiệu quả nhiều phương pháp giảng dạy để phát huy tính tích cực của người học	2.2	0.4	6	46.2	45.1	91.3
27. GV sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ SV trong học tập và trong nghiên cứu khoa học.	2.2	0.7	6.2	47.3	43.6	90.9
Đánh giá chung	2.0	0.9	5.8	45.6	45.8	91.4

5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Công tác đầu tư, nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo trong năm qua đã ghi nhận những cải thiện tích cực, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập và sinh hoạt của người học. Chỉ số đánh giá chung ở mức tích cực đạt 72.4%, tăng hơn 6% so với năm học trước. Xu hướng tăng này khẳng định hiệu quả từ những nỗ lực đầu tư, sửa chữa và tối ưu hóa nguồn lực hạ tầng của nhà trường nhằm mang lại môi trường học tập tốt hơn cho người học. Đáng chú ý, tỷ lệ sinh viên đánh giá ở “Rất không hài lòng” ở tất cả các hạng mục hoàn toàn bằng 0%, chứng tỏ không có tình trạng hạ tầng xuống cấp nghiêm trọng gây bức xúc cho người học. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên đánh giá ở mức “tạm hài lòng” ở toàn bộ các tiêu chí trong bảng vẫn còn khá cao, dao động từ 21.5% đến 25.2%. Kết quả này đặt ra yêu cầu cho nhà trường cần tiếp tục ưu tiên nâng cấp CSVC, đặc biệt là trang bị tại các phòng học, nhằm chuyển hóa nhóm SV ở mức “Tạm hài lòng” sang mức độ “hài lòng” trong năm học tới.

Bảng 6 . Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
28. Thư viện có đủ tài liệu đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV	0.0	2.0	24.3	35.8	35.2	71.0
29. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học	0.0	3.1	25.2	34.5	34.5	69.0
30. Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ học tập, thực hành, thí nghiệm, phòng máy vi tính... đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu	0.0	3.1	22.8	36.9	34.1	71.0
31. Hệ thống CNTT (hệ thống máy tính, phần mềm, internet,wifi,...) đáp ứng nhu cầu của SV	0.0	4.9	22.1	36.3	31.9	68.2
32. Website của trường, của khoa cung cấp các thông tin cần thiết cho SV đầy đủ, kịp thời	0.0	2.4	21.5	36.5	36.3	72.8
33. Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của SV	0.0	2.2	22.6	36.5	35.8	72.3
Đánh giá chung	0.0	2.4	22.6	38.3	34.1	72.4

6. Về các hoạt động hỗ trợ

Bảng 7. Các hoạt động hỗ trợ (Đơn vị: %)

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
34. Cố vấn học tập tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập	2.2	1.1	10.4	43.6	42.7	86.3
35. Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV	2.4	0.7	11.1	45.1	40.7	85.8
36. SV được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về chính sách xã hội, học bổng, cơ hội du học	2.7	0.9	10.0	45.4	41.2	86.6
37. SV được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời các cơ hội khởi nghiệp, hướng nghiệp, tiếp cận nghề nghiệp	2.9	1.3	10.0	44.5	41.4	85.9
38. SV được tham dự các lớp kỹ năng, ngoại khóa về tâm lý, đời sống... được nhà trường tổ chức thường xuyên và hữu ích cho người học	2.7	0.4	10.2	44.9	41.8	86.7
39. Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của SV	2.7	0.9	10.2	44.0	42.3	86.3
40. SV được chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường	2.9	0.7	10.4	44.9	41.2	86.1
41. An ninh trong khuôn viên Nhà trường được đảm bảo	2.9	0.9	9.7	45.1	41.4	86.5
42. SV được tạo điều kiện tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	2.2	0.7	8.8	45.8	42.5	88.3
43. SV được tạo điều kiện tham gia hoạt động tình nguyện, thiện nguyện phục vụ cộng đồng	2.0	0.9	8.2	46.0	42.9	88.9
Đánh giá chung	2.2	1.1	8.6	47.1	40.9	88.0

Nhìn chung, kết quả khảo sát về các hoạt động hỗ trợ cho thấy nhà trường nhận được mức độ đồng thuận và đánh giá rất cao từ phía người học, với tỷ lệ chung đạt mức tích cực lên tới 88%. Trong đó, nội dung hoạt động tạo điều kiện cho SV tham gia tình nguyện, thiện nguyện, PVCD đứng đầu về mức độ hài lòng với 88.9%, theo sát là việc tạo điều kiện NCKH đạt 88.3%. Điều này phản ánh đúng thực trạng cải tiến chất lượng của nhà trường trong những năm qua đối với hoạt động PVCD và NCKH trong SV.

7. Đánh giá chung

Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 4+5
44. Anh/chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân	2.2	0.9	7.7	46.0	43.1	89.1

Nhìn chung, đại đa số SV cuối khóa hài lòng với chất lượng đào tạo của nhà trường. Một mặt, người học đánh giá cao tổng thể quá trình đào tạo của trường. Mặt khác, họ hài lòng với mức độ đạt được CDR của bản thân.

8. Ý kiến khác

Song song với việc thu thập thông tin về quan điểm của người học đối với chất lượng khóa học nói chung, quá trình khảo sát cũng tạo điều kiện để SV được phản ánh tâm tư, nguyện vọng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù hài lòng với điều kiện hiện tại, một số SV cũng đề nghị trường cần tăng cường thực tế chuyên môn tại doanh nghiệp và tiếp tục cải tiến CSVC và hạ tầng thông tin trong thời gian tới. *(Phụ lục thống kê cụ thể ý kiến phản hồi của SV theo từng ngành học được đính kèm trong báo cáo này.)*

III. Ý kiến của Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh Tra

Để liên tục nâng cao chất lượng các khóa học, Phòng ĐBCL&TT đề xuất:

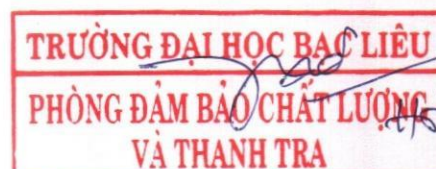
- Nhà trường cần đẩy mạnh việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ học tập, đặc biệt sớm phát triển nguồn tài nguyên và học liệu số của Thư viện để phục vụ học tập, nghiên cứu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ người học, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đồng thời nâng cao hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp và phát triển kỹ năng.
- Công tác tuyên truyền, nhắc nhở, nâng cao nhận thức của SV đối với các hoạt động khảo sát cần phải được tiếp tục đẩy mạnh, để họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của bản thân, từ đó tích cực trong việc cung cấp thông tin, đề xuất ý kiến nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung.

Trên đây là báo cáo khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng khóa học năm 2026 của Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu Vp.

TRƯỞNG PHÒNG



Handwritten signature: Nguyễn Trường